TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 985 /BC-VMC

Cẩm Phả, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN
Email: tienthanhvmc@gmail.com
Thời gian ký: 25.03.2025 15:15:47 +07:00

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN
Năm báo cáo: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chế tạo máy –VINACOMIN;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 5700495999 cấp ngày 31 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 11 năm 2016; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh;
- Vốn điều lệ: 46.973.510.000 VNĐ;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973.510.000 VNĐ;
- Địa chỉ: Số 486 Đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Số điện thoại: 0203.3716223;
- Số fax: 0203.3862034;
- Website: www.chetaomay.com.vn;
- Mã cổ phiếu: CTT;
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN được thành lập theo Luật doanh nghiệp. Tiền thân là Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả được thành lập ngày 23/7/1968 theo Quyết định số 739 QĐ/KB2 ngày 23/7/1968 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng; Theo Thông báo số 143/TB ngày 05/5/1993 của Văn phòng Chính phủ về việc cho thành lập lại Công ty Cơ khí mỏ; Bộ Năng lượng có Quyết định số: 468 NL/TCCB-LĐ ngày 30/6/1993 về việc thành lập lại Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả thuộc Công ty Cơ khí mỏ.

Sau khi sáp nhập trở lại Tổng Công ty Than Việt Nam theo Quyết định số 28/2001/QĐ-BCN ngày 23/5/2001 của Bộ Công nghiệp. Ngày 12/5/2004 Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Chế tạo máy Than Việt Nam.

Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 3675/QĐ-BCN Ngày 18/12/2006 Bộ Công nghiệp. Công ty đã Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty vào ngày 28/2/2008 và được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động từ 3/2008.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Chế tạo, sửa chữa, phục hồi các thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành khai thác mỏ và các ngành kinh tế khác.

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Hiện nay Công ty đang cung cấp các dịch vụ sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
2	Xây dựng công trình công ích khác	4229
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
4	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho ô tô và xe có động cơ khác	2930
5	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Phạm vi kiểm định: Máy thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt và an toàn lao động thuộc quyền quản lý của bộ Công thương. - Đối tượng kiểm định: Cột chống thủy lực đơn, giá khung di động và dàn chống tự hành sử dụng trong khai thác hầm lò.	7490
7	Sửa chữa thiết bị điện	3314
8	Sửa chữa các thiết bị khác	3319
9	Lắp đặt thiết bị máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
10	Bảo dưỡng, sửa chữ ô tô và xe có động cơ khác	4520
11	Đúc sắt thép	2431
12	Đúc kim loại màu	2432
13	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
14	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
15	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
16	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
18	Sản xuất hóa chất cơ bản	2011
19	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
20	Phá dỡ	4311
21	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
23	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
24	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
25	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
26	Bán buôn thực phẩm: - Bán buôn thủy sản - Bán buôn thực phẩm khác	4632

STT	Tên ngành	Mã ngành
27	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế cơ điện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. - Thiết kế cơ khí công trình xây dựng.	7110
28	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
29	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
30	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824 (chính)
31	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
32	Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp	2816
33	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
34	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
35	Cho thuê Máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Bao gồm

*** Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

*** Hội đồng quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm; có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của ĐHĐCĐ quy định.

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tất cả các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.

***Ban kiểm soát (BKS):** Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên có nhiệm vụ thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của Công ty về mọi mặt nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo mọi hoạt động của Công ty hoàn toàn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

*** Ban Giám đốc (BGĐ):** Gồm Giám đốc, 02 Phó Giám đốc. Giám đốc, Phó giám đốc Công ty do HĐQT Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc là người trợ giúp, tham mưu, tư vấn cho Giám đốc theo các chức năng nhiệm vụ được phân công.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY (Tại thời điểm 31/12/2024)

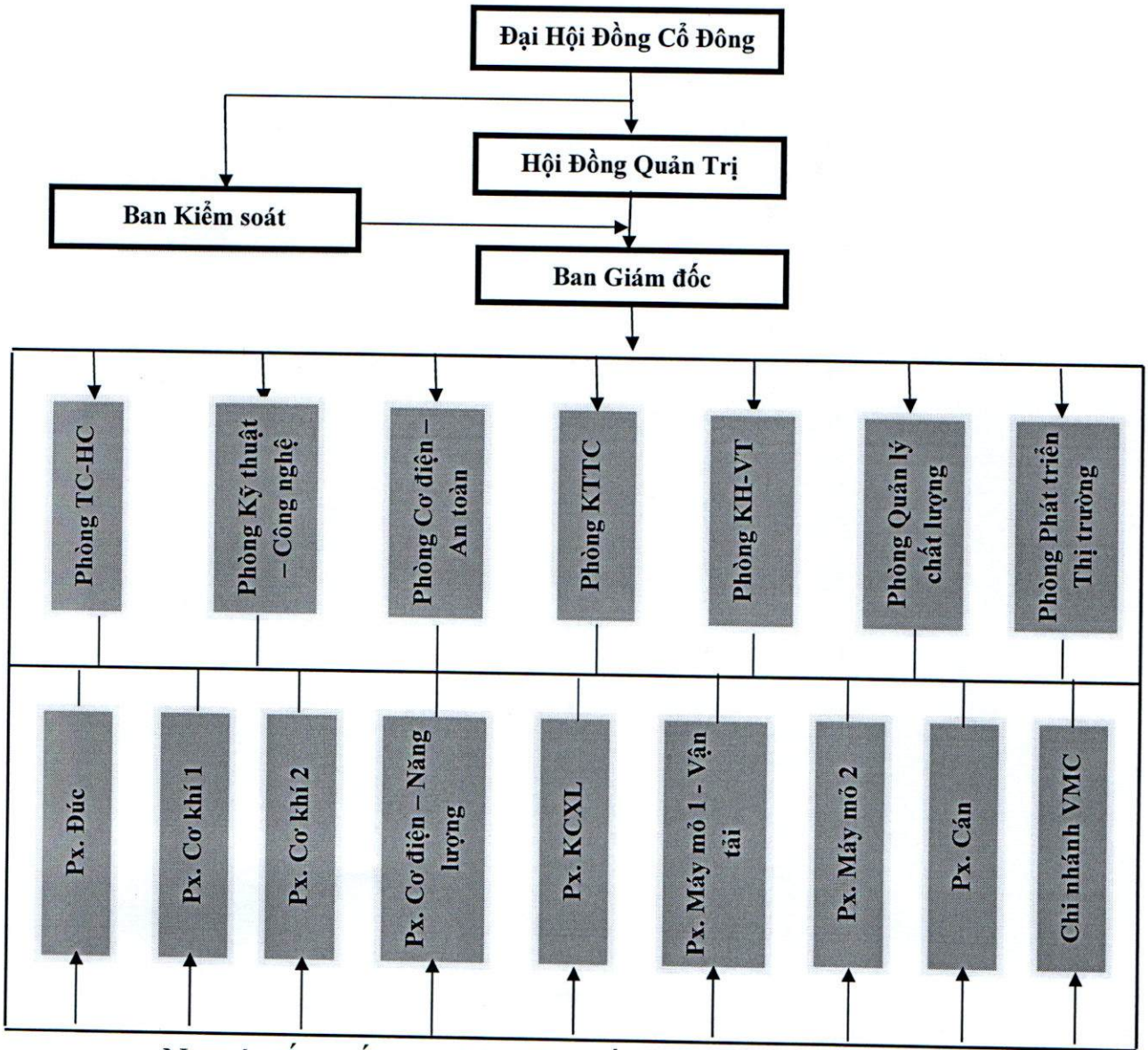

Nguyên tắc, mối quan hệ giải quyết công việc và phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc được quy định theo Quyết định số 1458/QĐ-VMC ngày 03/5/2024, điều chỉnh tại Quyết định số số 886/QĐ-VMC ngày 26/3/2025 của Giám đốc Công ty.

Tên gọi, chức năng nhiệm vụ các phòng ban, phân xưởng được quy định cụ thể theo Quyết định số 2896/QĐ-VMC ngày 02/10/2018 của Giám đốc Công ty.

Các công ty con, công ty liên kết: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN tại Hà Nội được quy định theo quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định.

* Chi nhánh của Công ty tại Hà Nội

a. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN;

Địa chỉ chi nhánh: Số 93 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0435144128 Fax: 0203382516

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân nghành kinh tế quốc dân)
1	Chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị và phụ tùng cho các ngành khai thác khoáng sản, năng lượng và các ngành khác;	2924: (29241; 292411; 292412) 29242; 2913
2	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đúc, cán kéo thép, kết cấu kim loại, khí ô xy-ni tơ;	28: (281; 2811; 28112; 281123; 281124; 28113-281130); 2812: (281121; 281129); 2813; 289: (2891; 28911-289110; 28912; 2892; 28921-289210;241128;241129, 2711-2720
3	Kinh doanh ống thép áp lực, thiết bị áp lực cao	269521; 2919;
4	Chế tạo phụ tùng và sửa chữa phương tiện vận tải thuỷ;	35112-351120; 352-3520
5	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và ống bê tông chịu áp lực cao;	269521; 5234; 5143
6	Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp và dân dụng, san lấp, tôn tạo mặt bằng;	45: (451-4510; 45112-451110); 452; 4523; 453-4530
7	Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hoá, đại lý;	511-5110: (5112-5120; 51131-511310); 5142; 5239; 51454; 5149; 5239; 524-5240; 515: 5155150

4. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệpThan - Khoáng sản Việt Nam về đầu tư, quản trị lao động, sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030; Bảo đảm sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty bằng việc đẩy mạnh sản xuất, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà

nước; Công ty phát triển theo hướng: hiện đại hoá cơ khí sửa chữa, tăng cường đẩy mạnh cơ khí chế tạo tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất, thực hiện Đề án tái cơ cấu lại Công ty; nâng cao năng lực sản xuất, bảo đảm chất lượng, tiến độ cung cấp sản phẩm đã cam kết với khách hàng; từng bước củng cố và nâng cao sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường; ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động và góp phần an sinh xã hội.

- Mục tiêu tổng quát giai đoạn 2026 – 2030: Phát huy nội lực, ổn định và giữ vững các sản phẩm truyền thống; tiếp tục phát triển cơ khí chế tạo, hiện đại hóa cơ khí sửa chữa, chuyển hướng mạnh sang phục vụ cơ khí hóa khai thác than hầm lò, đẩy mạnh ứng dụng Tin học hóa, Tự động hóa theo xu hướng phát triển của cách mạng Công nghiệp 4.0, đẩy mạnh hợp tác toàn diện trong và ngoài ngành, trong nước và quốc tế để đưa Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN trở thành một trong những trung tâm Cơ khí mạnh của ngành Than – Khoáng sản Việt Nam và cả nước.

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH TRONG GIAI ĐOẠN 2018-2025

Chỉ tiêu\Năm	KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030
Doanh thu (tỷ đồng)	2.060	2.120	2.200	2.250	2.315
Tỷ lệ % (so với năm trước)	103	103	104	102	103
Lợi nhuận (tỷ đồng)	17,7	18,65	19,15	19,75	20,35
Lao động định mức (người)	856	856	856	856	856
Tiền lương bình quân (Tr.đ/ng/th)	12,812	13,140	13,588	14,002	14,420

Đảm bảo môi trường: Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật BVMT; kiểm soát chất thải từ quá trình sản xuất không để phát tán ra môi trường, quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường. Đặc biệt quan tâm đến việc xử lý nước thải sau mạ, khí thải tại phân xưởng Cán, phân xưởng Đúc, bụi từ công nghệ phun cát làm sạch chi tiết…Tiếp tục thực hiện các các biện pháp cải thiện môi trường lao động, môi trường cảnh quan trong Công ty. Thực hiện cải tạo hệ thống nhà xưởng, đầu tư thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị cũ đã lạc hậu,...vv.

5. Các rủi ro

Là đơn vị chuyên sản xuất, cung cấp dây chuyền, thiết bị phục vụ cho sản xuất khai thác mỏ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nên Công ty chịu ảnh hưởng từ biến động của hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ than, khoáng sản cũng như hoạt động chung của Tập đoàn. Nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán, biến động của giá sắt thép và các phụ tùng liên quan sẽ gây biến động lớn trong chi phí đầu vào của Công ty. Mặt khác phương tiện, thiết bị phần lớn đã lạc hậu, xuống cấp; nguồn nhân lực tại một số thời điểm chưa đáp ứng được yêu cầu nên khi triển khai các dự án công trình lớn gặp khó khăn. Thị trường của Công ty phụ thuộc lớn vào kế hoạch đầu tư, số

lượng sửa chữa, trung tu thiết bị của các đơn vị trong ngành, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều đem lại sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ, giá thành sản phẩm và lợi nhuận. Do đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị trường tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng, tiến độ sản phẩm và sự phát triển bền vững của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024, bên cạnh những điều kiện thuận lợi, Công ty còn gặp một số khó khăn:

- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu; Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động mạnh, khó lường;

- Ảnh hưởng của các cuộc xung đột chiến tranh trên thế giới làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn tới việc tiến độ cung cấp một số vật tư, phụ tùng phục vụ sản xuất, đặc biệt là công tác SCL thiết bị và một số công trình trọng tâm.

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết và các các mục tiêu, kế hoạch SXKD của Công ty năm 2024. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo rà soát, sửa đổi bổ sung, ban hành các quy chế quản lý phù hợp với các quy định hiện hành và điều thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty; kịp thời nắm bắt tình hình, ban hành các nghị quyết, chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện các giải pháp linh hoạt để khắc phục khó khăn. Giám đốc điều hành Công ty đã xây dựng và chỉ đạo thực hiện hiệu quả nhiều giải pháp đẩy mạnh SXKD, tiết kiệm chi phí và tăng cường các mặt quản lý.

Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và được sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Giám đốc điều hành, Đảng ủy Công ty, các tổ chức đoàn thể quần chúng (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh) tạo ra sức mạnh tổng hợp trong hệ thống chính trị, tạo niềm tin của người lao động, giữ vững khối đoàn kết thống nhất trong Công ty thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất và đời sống. Với truyền thống đoàn kết, kỷ luật, lao động sáng tạo vượt qua khó khăn của CB, CN, người lao động Công ty, sự quan tâm ủng hộ của các Cổ đông, Công ty đã thực hiện hoàn thành toàn diện các mục tiêu; Duy trì và phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của người lao động, thực hiện vượt các chỉ tiêu của Kế hoạch, bảo toàn vốn. Kết quả SXKD năm 2024 được thể hiện qua một số các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2023	KH 2024	TH 2024	So sánh cùng kỳ 2023	So sánh KH 2024
1	Doanh thu	Tr.đ	2.277.530	1.905.000	2.293.304	100,7	120,4

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2023	KH 2024	TH 2024	So sánh cùng kỳ 2023	So sánh KH 2024
2	Giá trị sản xuất	Tr.đ	601.786	565.950	633.357	105,2	111,9
3	Tổng quỹ lương	Tr.đ	116.641	114.593	136.549	117,1	119,2
4	Lao động bình quân	người	856	859	857	100,1	99,8
5	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ ng/tháng	11,355	11,117	13,278	116,9	119,4
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	15.328	15.000	17.075	111,4	113,8
7	Cổ tức	%	13	≥ 10	10	76,9	100
8	Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	23.123	10.283	10.148	43,9	98,7

2. Tổ chức và nhân sự

* Danh sách Ban Điều hành tại thời điểm 31/12/2024:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty	1.312	
2	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	12.755	
3	Tăng Bá Khang	PGĐ Công ty	9.911	

* Số lượng CB, CN, NLĐ trong Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 732 người bao gồm:

- Trình độ Thạc sỹ: 11 người;
- Trình độ Đại học: 128 người;
- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp: 11 người;
- Công nhân kỹ thuật: 582 người;

* Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tuyển dụng: Đã cân đối số lượng, chất lượng nguồn nhân lực, qua đó tuyển dụng đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực, phục vụ sản xuất của Công ty.

- Chính sách đào tạo: Thực hiện tốt việc đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ, công nhân, người lao động, tổng số lượt người được đào tạo trong năm 2024 là 721 lượt.

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo chính sách đãi ngộ cho CB, CN, NLĐ công khai, công bằng, gắn liền với hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, Công ty còn trích quỹ tiền lương khuyến khích, quỹ khen thưởng để thưởng cho CB, CN, NLĐ vào các ngày Lễ, Tết, các ngày kỷ niệm truyền thống của Công ty, ngành Than. Công ty luôn quan tâm chú trọng đến hoạt động của các tổ chức đoàn thể đã tạo điều

kiện cho CB, CN, NLĐ trong Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe.

- Chính sách cổ tức: Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Cổ đông được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ; Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT theo kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới; Năm 2024, Công ty chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt là ≥ 10%; Tỷ lệ cổ tức cho các năm sắp tới dự kiến duy trì ≥10 %/năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty đã thực hiện công tác đầu tư xây dựng theo đúng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và quy định của pháp luật:

- Dự án chuyển tiếp 2023-2024: Quyết toán dự án hoàn thành;

- Dự án khởi công mới: "Dự án Đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất":

+ Tổng số các gói thầu thực hiện: 04/04 gói thầu thiết bị, đạt 100% kế hoạch;

+ Tổng giá trị thực hiện đầu tư: 10.148/10.283 (triệu đồng), đạt 98,7% kế hoạch điều chỉnh năm 2024.

- Việc thanh toán, giải ngân khối lượng hoàn thành được thực hiện kịp thời, đúng tiến độ theo hợp đồng.

Các dự án đầu tư của Công ty đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, mở rộng quy mô sản xuất, cải thiện điều kiện môi trường làm việc, nâng cao mức độ tự động hóa, đồng bộ hóa các thiết bị trong dây chuyền sản xuất và đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	686.268.526.779	737.471.163.750	7,46
Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	2.276.830.496.719	2.292.680.784.030	0,70
Giá vốn hàng bán	2.156.165.741.433	2.133.940.645.687	(1,03)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.027.961.149	17.118.868.063	13,91
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.328.457.395	17.074.785.095	11,39

Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.051.495.253	13.310.133.519	10,44
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP)	2.566	2.834	10,44

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	lần	0,91	0,94
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,49	0,58
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	lần	0,90	0,91
- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	9,36	9,75
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	332	311
- Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	11,55	8,91
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,53	0,58
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,19	19,4
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	1,76	1,8
- Tỷ suất Lợi nhuận thuần từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	0,66	0,75

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số CP đang lưu hành: 4.697.351 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần

- Loại cổ phần: Các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng (có 11 cổ đông hạn chế chuyển nhượng).

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	1.925.100	40,98
2	Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo máy	486 - Đường Trần Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh	70.466	1,5
3	GTN ASIA FINANCIAL SERVICES (PTE) LTD.	50 Raffles Place Level # 15-05/06, Singapore Land Tower, Singapore 048623	9900	0,21
4	Công ty CP Tập đoàn HIPT	Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	805,902	17,16

6	944 Cổ đông là cá nhân		1.885.983	40,15
Tổng số:			**4.697.351**	**100**

(Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 20/3/2025 do VSDC cung cấp)

- Danh sách cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông lớn	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	1.925.100	40,98
2	Công ty CP Tập đoàn HIPT	Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	805.902	17,16

(Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 20/3/2025 do VSDC cung cấp)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Trong năm 2024 Công ty không phát hành chứng khoán.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng giá trị nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2024: 2.301 triệu đồng.

b) Tỉ lệ nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: 1.795,437/633.537 triệu đồng, đạt 0,28%.

6.2. Tiêu thụ năng lượng (tình hình tiêu thụ điện năng)

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Sản lượng điện tiêu thụ toàn Công ty 2024: 12.602.064 kWh, trong đó:

- Sản lượng điện tiêu thụ cho sản xuất: 12.437.919 kWh;
- Điện cho phụ tải ngoài Công ty (Chi nhánh): 9.789 kWh;
- Sản lượng điện tiêu thụ cho sinh hoạt: 154.356 kWh;

b) Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Lắp đặt, thay thế 55 bộ đèn LED các loại, trong đó:

+ Thay thế 25 bộ đèn chiếu sáng nhà xưởng loại 500 W bằng đèn LED 150 W;

+ Thay thế 25 bộ đèn cao áp chiếu cầu trục loại 250 W bằng đèn LED 100 W;

+Thay thế 5 bộ đèn chiếu sáng cục bộ loại 250 W bằng đèn LED 68 W;

+ Chiếu sáng văn phòng: Thay thế các bộ đèn tuýp đôi loại 80 W bằng đèn LED 36 W; Tổng năng lượng tiết kiệm: 5.000 kWh/năm;

- Áp dụng đưa các công nghệ tiên tiến vào điều khiển các thiết bị, động cơ có công suất lớn như: Biến tần, packer, khởi động mềm,... và thay thế dần thiết bị ứng

dụng công nghệ tiên tiến đối với các thiết bị có công nghệ cũ, kỹ thuật lạc hậu: 200.000 kWh/năm;

- Hệ thống tụ bù công suất phản kháng: Luôn vận hành ổn định, đảm bảo hệ số công suất Cosφ ≥ 0,9, do đó Công ty không phải trả chi phí mua công suất phản kháng và nâng cao hiệu suất hoạt động của hệ thống;

- Thay thế các bộ nguồn mạ sử dụng hệ thống động cơ - máy phát mạ, biến áp công suất lớn,… bằng bộ nguồn mạ chỉnh lưu Thyristor và điều chỉnh tự động;

- Vận hành ổn định hệ thống giám sát và bảo vệ động cơ cán DC 2.500 kW; Tự động hóa quá trình giám sát nhiệt độ các thiết bị tôi, luyện: Lò thấm tôi Ц60 (60 kW), Lò СДО (250 kW), Lò thấm tôi Ц105 (105 kW);

- Duy trì hệ thống thiết bị theo dõi, giám sát thông số vận hành của các tủ phân phối 6 kV, nâng cao hiệu quả quản lý năng lượng điện toàn Công ty

- Tổng năng lượng tiết kiệm năm 2024: 205.000 kWh/năm.

6.3. Tình hình tiêu thụ nước năm 2024

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước mua: 120.702 m^3

- Nước tuần hoàn: 400.140 m^3

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

- Tổng lượng nước sử dụng: 400140 m^3

- Tỷ lệ % nước tái chế sử dụng: 331,5%

6.4. Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động bình quân trong năm 2024: 857 người, mức lương thu nhập bình quân đạt 13.277.700 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đã chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định phù hợp với quy định hiện hành.

Ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực

hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

Đảm bảo các chế độ cho người lao động: khám chữa bệnh định kỳ, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng Ca2, Ca3 cho người lao động theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty; đảm bảo chất lượng, định lượng bữa ăn công nghiệp cho người lao động.

Tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao nội bộ Công ty và tham gia với Tập đoàn, địa phương. Tổ chức cho CB, CN, NLĐ tham quan học tập kinh nghiệm để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Để phát triển nguồn nhân lực, Công ty đã tập trung thực hiện một số nội dung chủ yếu:

- Thực hiện kế hoạch nguồn nhân lực bằng quá trình đánh giá, xác định nhu cầu về nguồn nhân lực để đáp ứng mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ SXKD của Công ty hàng năm từ đó xây dựng các kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho Công ty.

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngắn hạn: Hằng năm căn cứ kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty xây dựng mục tiêu kế hoạch thực hiện của một năm hay một chu kỳ sản xuất để tổ chức tự đào tạo hoặc phối hợp cùng các cơ sở đào tạo để thực hiện các công tác đào tạo, tuyển dụng nhân lực.

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực dài hạn: Trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty, của Tập đoàn TKV, xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Công ty xây dựng mục tiêu kế hoạch đào tạo của từng giai đoạn trong chiến lược hoặc một chu kỳ sản xuất đảm bảo cho sự phát triển Công ty.

- Phối hợp cùng các trường (Cao đẳng nghề Công nghiệp Cẩm Phả, Cao đẳng nghề Than – Khoáng sản) thực hiện tuyển dụng đào tào mới, đào tạo lại, bổ sung, chuyển đổi nghề cho lao động, mở các lớp và thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề cho công nhân.

- Phối hợp cùng Trường Quản trị kinh doanh – VINACOMIN thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên.

- Số giờ đào tạo trung bình năm:

TT	Nội dung học	Số giờ học (h)	Kinh phí (Tr. Đồng)	Nơi đào tạo	Ghi chú
1	Bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, chuyên môn nghiệp vụ	1.080	343,65	Trường Đại học, Cao đẳng, Quản trị kinh doanh.	
2	Bồi dưỡng nâng cao trình độ công nhân kỹ thuật	2.406	765,86	Tại Công ty và các cơ sở đào tạo	
	Cộng (1+2)	**4.486**	**1.109,51**		

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng doanh nghiệp, Công ty còn thực hiện tốt công tác xã hội, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện. Trong năm 2024, Công ty tham gia nhiều hoạt động xã hội như: Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, thường xuyên ủng hộ các quỹ, các tổ chức nhân đạo từ thiện, thăm hỏi tặng quà cho các gia đình CB, CN, người lao động có hoàn cảnh khó khăn,…vv.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2024, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của HĐQT cùng với sự phối hợp lãnh đạo sâu sát của Đảng ủy, sự phối hợp của các đoàn thể Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, với truyền thống đoàn kết, kỷ luật, lao động sáng tạo vượt qua khó khăn của cán bộ, công nhân, người lao động Công ty, sự quan tâm ủng hộ của các Cổ đông, bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện quyết liệt các giải pháp linh hoạt để khắc phục khó khăn, tập trung điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD. Mặt khác đã tăng cường các mặt quản lý, đặc biệt là triển khai kịp thời hàng loạt các biện pháp tiết kiệm chi phí, rà soát, hiệu chỉnh ban hành các quy chế, quy định phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, cấp trên.

Năm 2024, doanh thu đạt 2.293.304 tỷ đồng (vượt 20,4 % KH), tiền lương bình quân đạt trên 13,27 triệu đồng/người/tháng. Công ty cũng triển khai toàn diện các mặt sản xuất, công tác, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

+ Triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao và ứng dụng văn phòng điện tử, các phần mềm quản lý vật tư, phần mềm kế toán.

+ Rà soát sửa đổi, xây dựng bổ sung các quy chế, quy định để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành; xây dựng và áp dụng Quy định về việc trả lương NLĐ qua KPIs.

+ Chú trọng quan tâm công tác quản trị sản xuất, quản trị chi phí, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất bằng cách áp dụng các phần mềm quản lý; xây dựng kế hoạch sản xuất một cách khoa học linh hoạt; nâng cao chất lượng công tác định mức kinh tế, kỹ thuật; tiết giảm các chi phí lãi vay, chi phí hành chính, chi phí khác,...vv.

+ Luân chuyển vốn hợp lý để tiết giảm chi phí tài chính; Quy hoạch và đào tạo cán bộ, công nhân phù hợp với từng vị trí công việc; Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất để tăng hiệu quả trong sản xuất, tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2024	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2024
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**686.268.526.779**	**737.471.163.750**
A	**Tài sản ngắn hạn**	**538.525.318.762**	**614.489.166.435**
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**6.163.529.636**	**7.620.885.084**
II	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**272.821.262.851**	**363.761.526.909**
1	Nợ phải thu khách hàng	280.797.962.801	371.202.411.498
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.413.651.251	4.343.601.914
3	Phải thu ngắn hạn khác	21.564.030.311	22.107.324.172
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.954.381.512)	(33.891.810.675)
III	**Hàng tồn kho**	**245.015.236.228**	**234.227.186.860**
1	Hàng tồn kho	246.888.523.497	238.557.315.315
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.873.287.269)	(4.330.128.455)
IV	**Tài sản ngắn hạn khác**	**14.525.290.047**	**8.879.567.582**
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	2.616.156.226	8.876.830.298
2	Thuế GTGT được khấu trừ	11.332.805.950	2.737.284
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	576.327.871	
B	**Tài sản dài hạn**	**147.743.208.017**	**122.981.997.315**
I	**Tài sản cố định**	**128.247.642.817**	**98.024921.056**
1	Tài sản cố định hữu hình	128.247.642.817	98.024.921.056
	- Nguyên giá	607.022.291.392	616.390.614.552
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(478.774.648.575)	(518.365.693.496)
2	**Tài sản cố định vô hình**		
	- Nguyên giá	2.228.444.170	2.228.444.170
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.228.444.170)	(2.228.444.170)
II	**Tài sản dài hạn khác**	**19.495.565.200**	**24.957.076.259**
1	Chi phí trả trước dài hạn	19.495.565.200	24.838.729.883
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		118.346.376

b. Tình hình nợ phải trả

Thực hiện chủ trương của HĐQT Công ty và để duy trì uy tín trên thị trường, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng với nghĩa vụ tài chính, hiện tại Công ty không có các khoản nợ, khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước nào quá hạn phải trả.

Bảng kê chi tiết các khoản phải trả:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2024	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2024
Nợ phải trả		**619.693.748.309**	**668.868.032.871**
I	**Nợ ngắn hạn**	**594.416.285.338**	**651.653.926.471**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	489.250.666.477	561.834.536.614
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.657.583.128	76.484.900
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.614.677.929	4.807.613.291
4	Phải trả người lao động	37.178.193.232	38.588.784.778
5	Chi phí trả trước ngắn hạn	81.078.000	16.439.716
6	Phải trả ngắn hạn khác	615.744.222	382.631.221
8	Vay và nợ thuê tài chính gắn hạn	56.085.324.978	8.851.160.800
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.827.285.753	35.443.667.245
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.105.731.619	1.652.607.906
II	**Nợ dài hạn**	**25.277.462.971**	**17.214.106.400**
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.246.643.200	17.214.106.400
2	Dự phòng phải trả dài hạn	550.819.771	
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.480.000.000	

c. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2024	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2024
Vốn chủ sở hữu		**66.574.778.470**	**68.603.130.879**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**66.241.370.975**	**68.603.130.879**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	5.480.152.203	6.583.273.841
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.787.708.772	15.046.347.038

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2024	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2024
	- *LNST chưa phân phối năm trước*	1.736.213.519	1.736.213.519
	- *LNST chưa phân phối kỳ này*	12.051.495.253	13.310.133.519
II	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**333.407.495**	
1	Nguồn kinh phí	333.407.495	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Tiếp tục triển khai và ứng dụng hiệu quả văn phòng điện tử, phần mềm quản lý vật tư; phần mềm kế toán, phần mềm quản lý nhân sự,...vv.

Tiếp tục sắp xếp bộ máy quản lý, phân công nhiệm vụ phù hợp với nhu cầu sản xuất, theo chương trình tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2018-2025 có tầm nhìn đến 2035, trong năm 2024 đã sắp xếp, tổ chức sản xuất khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất tại các Phân xưởng, đơn vị trong Công ty.

Sắp xếp lại mặt bằng công nghệ của các đơn vị sản xuất trực tiếp đảm bảo tính khoa học, hợp lý của chu trình sản xuất theo thực tế và chiến lược của Công ty.

Chú trọng quan tâm công tác quản trị sản xuất, quản trị chi phí, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất bằng cách áp dụng các phần mềm quản lý; xây dựng kế hoạch sản xuất một cách khoa học linh hoạt; nâng cao chất lượng công tác định mức kinh tế kỹ thuật; tiết giảm các chi phí hành chính, chi phí khác.

Luân chuyển vốn hợp lý để tiết giảm chi phí tài chính; Quy hoạch và đào tạo cán bộ, công nhân phù hợp với từng vị trí công việc; Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất để tăng hiệu quả trong sản xuất, tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Giai đoạn 2026 – 2030: Phát huy nội lực, ổn định và giữ vững các sản phẩm truyền thống; Tiếp tục phát triển cơ khí chế tạo, hiện đại hóa cơ khí sửa chữa, đổi mới công nghệ theo xu hướng cách mạng Công nghiệp 4.0, đổi mới chất lượng lao động để tăng năng suất lao động; Chuyển hướng mạnh sang phục vụ cơ khí hóa khai thác than hầm lò, đẩy mạnh hợp tác toàn diện, liên doanh liên kết với các đơn vị trong và ngoài ngành, trong nước và quốc tế để sản xuất các sản phẩm cơ khí chủ lực phục vụ ngành Than, Điện, Xi măng góp phần hội nhập kinh tế quốc tế của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận thức đúng đắn các thuận lợi và khó khăn trong kinh doanh, đưa ra những quyết sách đúng theo từng thời điểm; tận dụng tối đa lợi thế trong thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Chủ động áp dụng kịp thời các biện pháp tìm kiếm, tạo việc làm, áp dụng đồng bộ các giải pháp

về quản lý. Hội đồng quản trị Công ty đã phân công công việc cụ thể ở từng nội dung, lĩnh vực công tác cho các thành viên, phối hợp giữa các lĩnh vực chặt chẽ, chỉ đạo sâu sát của các thành viên với ban Giám đốc Công ty.

** Về kết quả sản xuất kinh doanh:* Kết quả sản xuất kinh doanh đạt vượt mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Vốn của cổ đông được bảo toàn, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận, ổn định đời sống người lao động. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2024	TH 2023	TH 2024	So KH 2024 (%)	So cùng kỳ 2023 (%)
1	Doanh thu	tr.đ	1.905.000	2.277.530	2.293.304	120,4	100,7
2	Giá trị sản xuất	tr.đ	565.950	601.786	633.357	111,9	105,2
3	Quỹ tiền lương	tr.đ	114.593	116.641	136.549	119,2	117,1
4	Lao động bình quân	người	859	856	857	99,8	100,1
5	Tiền lương bình quân	1.000 đ/ng/th	11.117	11.355	13.278	119,4	116,9
6	Lợi nhuận	tr.đ	15.000	15.328	17.075	113,8	111,4

* Về sử dụng vốn và hoạt động tài chính

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất. Trong năm 2024, tình hình tài chính ổn định đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế với Nhà nước, thực hiện tốt quy định về nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...Thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các mặt hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất,… nhìn chung đã đạt được yêu cầu đề ra.

** Về công tác Tổ chức cán bộ:*

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

+ Thông qua và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà Nguyễn Thị Hồng Thịnh và quyết định thôi giữ nhiệm vụ Phụ trách Phòng KT-TC đối với ông Vũ Văn Khu;

+ Công ty thường xuyên chỉ đạo tổ chức rà soát, ban hành sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý cán bộ của Công ty, từ đó xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể trong đánh giá năng lực cán bộ để xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vào các vị trí quản lý.

+ Đã tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ theo quy chế để làm cơ sở xem xét, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ; công tác cán bộ được thực hiện đảm bảo quy chế, quy trình, công khai, minh bạch, tạo sự tin tưởng, đồng thuận cao trong người lao động.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Từ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân

lực. Đã tập trung chỉ đạo vào các việc: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động, đào tạo cập nhật kiến thức về đấu thầu, quản lý ĐTXD, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

** Về công tác đầu tư xây dựng:*

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

Tổng số các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn bám sát nội dung yêu cầu quy định trong Luật Xây dựng; Hướng dẫn thực hiện của các cấp, các ngành, của Tập đoàn. Các dự án đầu tư đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được triển khai thực hiện theo luật định. Nhìn chung các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, được đưa vào sử dụng khai thác, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

** Về hoạt động của Hội đồng quản trị*

Hội đồng quản trị đã duy trì các cuộc họp thường kỳ năm 2024, đã tiến hành 16 cuộc họp, các thành viên tham gia họp đầy đủ. Trong năm 2024 các thành viên HĐQT đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, làm việc chủ động, mẫn cán, phát huy hết năng lực của mình, thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, luôn đảm bảo lợi ích tối đa của các cổ đông và của Công ty. Các quyết sách lớn, chủ trương lớn, các quyết định của HĐQT ban hành đều tuân thủ theo nguyên tắc tập thể, đồng thuận và tham gia dự họp đầy đủ của các thành viên HĐQT. Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã ban hành 16 nghị quyết, 03 quy chế,…; nội dung các nghị quyết đã bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty tại từng thời điểm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị thực hiện thường xuyên nhiệm vụ giám sát cán bộ quản lý, yêu cầu bộ máy điều hành báo cáo thường kỳ, đột xuất và kịp thời các biến động trong SXKD để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời. Thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót, vi phạm...Kết quả các cán bộ quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

** Kết quả giám sát đối với Giám đốc*

Thực hiện các quy định của Điều lệ và Nghị quyết của HĐQT, Giám đốc Công ty đã chủ động xây dựng các giải pháp thực thực hiện; Trong đó đã đánh giá đúng các khó khăn, đề ra nhiều biện pháp, quyết định quản lý kịp thời, có hiệu quả trong điều hành sản xuất; Tập trung chỉ đạo quyết liệt các mục tiêu chiến lược, từng bước đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ và ổn định trong thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty; Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định về báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản, an toàn lao động. Kết quả, Công ty đã thực hiện vượt mức,

toàn diện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 quyết nghị.

** Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý*

Các cán bộ quản lý được HĐQT bổ nhiệm đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao. Kịp thời đề xuất, tham mưu các vấn đề về quản lý, chỉ đạo điều hành các phòng ban, phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện thoái thác nhiệm vụ. Năm 2024, các cán bộ quản lý cấp phân xưởng, phòng ban đã được Ban Giám đốc và HĐQT Công ty đánh giá xếp loại, cụ thể: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 10 đồng chí; Hoàn thành tốt nhiệm vụ 37 đồng chí.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở dự thảo kế hoạch SXKD năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã họp bàn thống nhất phương hướng, nhiệm vụ của HĐQT năm 2025 như sau:

3.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: **AN TOÀN - ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ**

- Mục tiêu điều hành: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao trình độ quản lý, sắp xếp tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề; Tiếp tục đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới tiên tiến hiện đại; Thực hiện đề án chuyển đổi số và liên thông các cơ sở dữ liệu trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý, điều hành, ...vv.

3.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu: 2.000 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 1.978,25 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 2.000 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 571,233 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 580 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 17 tỷ đồng;
- Lao động bình quân theo định mức: 856 người;
- Tổng quỹ lương: 127,893 tỷ đồng
- Tiền lương bình quân: 12,451 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức: ≥ 10%;
- Giá trị các dự án đầu tư: 13.940 triệu đồng;
- Bảo toàn và phát triển vốn.

3.3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch năm 2025

3.3.1. Nhóm giải pháp phát triển thị trường:

- Đối với thị trường truyền thống trong TKV:

+ Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển: Duy trì việc chế tạo phụ tùng, thiết bị; ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than, đặc biệt là đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định; Chủ động liên hệ với các đơn vị chủ thiết bị để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị. Chủ động tiếp cận các dự án mở rộng khai thác than trong năm 2025 của TKV để có định hướng về chế tạo, phục hồi các thiết bị, hệ thống sàng tuyển, băng tải, v.v;

+ Các đơn vị khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vì chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò. Triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất cột chống thủy lực, trong đó chủ động để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị về nhu cầu, chủng loại đồng thời nghiên cứu, hợp tác đổi mới công nghệ mạ các loại cột chống để tăng sản lượng tiêu thụ. Làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất, phối hợp với các đơn vị hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, thanh quyết toán đáp ứng nhu cầu sử dụng thép lò, vì chống lò khi có sự thay đổi về cơ chế điều hành, v.v;

+ Các đơn vị kho vận, chế biến than: Bám sát việc nâng cấp, mở rộng các kho cảng, bến bãi phục vụ công tác xuất, nhập khẩu than của các đơn vị trong TKV để tham gia cung cấp các dịch vụ về cơ khí.

- Thị trường khác trong và ngoài TKV:

+ Chủ động tiếp cận, khảo sát, đánh giá hoạt động sản xuất tại các đơn vị trong và ngoài TKV để nắm bắt về công nghệ sản xuất từ đó có kế hoạch khai thác tốt việc làm cho hoạt động sản xuất cơ khí của Công ty;

+ Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các dự án trong TKV, đặc biệt các gói thầu EPC; mở rộng cung cấp phụ tùng cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các đơn vị trong và ngoài TKV để đấu thầu các dự án lớn, các gói thầu EPC, tập trung vào các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, nhiệt điện, chế biến, vận chuyển than;

+ Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản; Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, tập trung hoàn thành tốt các hợp đồng của Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường trong việc cung cấp các loại phụ tùng.

- Thị trường trong tỉnh Quảng Ninh:

Tăng cường khai thác thị trường, đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cơ khí trong tỉnh Quảng Ninh; Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng tỉnh Quảng Ninh về phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động số 01/CTr-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 04/01/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, để nắm bắt các chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nói chung và phát triển công nghiệp chế biến chế tạo trên địa bàn Tỉnh;

Thực hiện nghiêm sự phối hợp ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ trong ngành theo kế hoạch PHKD, hưởng ứng tích cực Cuộc vận động ***"Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"*** tăng cường công tác khai thác thị trường, tiếp thị để nắm bắt các cơ hội tiêu thụ, phát triển sản phẩm cơ khí trong nước.

- Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.

3.3.2. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực:

- Công tác tuyển dụng: Xây dựng các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng lao động, trong đó tiếp tục ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:

+ Đối với cán bộ quản lý: Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trong Công ty; Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Quy chế quản lý cán bộ được ban hành theo Quyết định số 1000/QĐ-VMC ngày 29/3/2024 của Hội đồng quản trị Công ty;

+ Đối với công nhân lao động: Đào tạo kèm cặp, hướng dẫn nâng cao tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng, đồng thời kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc; Tập trung đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề cho nguồn nhân lực chủ chốt đáp ứng yêu cầu tham dự đấu thầu và thực hiện các gói thầu; Phối hợp với các nhà cung cấp thiết bị để mở các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ kỹ thuật, công nhân về công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, sữa chữa hiệu chỉnh các máy CNC mới đầu tư;

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm nâng cao ý thức thực thi pháp luật; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng vi phạm hoặc không đảm bảo chất lượng công tác, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Xây dựng chế độ tiền lương phù hợp để sử dụng lại các lao động có tay nghề cao đã nghỉ hưu ký hợp đồng thời vụ khi có nhu cầu. Đổi mới nâng cao chất lượng nhân sự trong các lĩnh vực quản lý, đồng thời bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên;

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hiệu quả công việc bằng Hệ thống quản trị KPIs đối với từng vị trí trong diện lao động quản lý theo định biên; Đổi mới quản trị doanh nghiệp, triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025 ban hành theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng chính phủ.

3.3.3. Nhóm giải pháp về kỹ thuật - công nghệ, thiết bị, môi trường:

- Tiếp tục thực hiện chương trình Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa, chương trình đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; Khai thác một cách hiệu quả các giải pháp THH-TĐH đã triển khai (phần mềm thiết kế công nghệ đúc JSCAST, phần mềm quản lý nhân lực, phần mềm quản lý vật tư; các thiết bị CNC; sửa chữa nâng cấp hệ thống điện bằng hệ thống điều khiển bằng PLC, lắp đặt thêm hệ thống hiển thị số, v.v). Khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị đã được đầu tư;

- Công tác công nghệ sản xuất: Rà soát, hoàn thiện, ban hành bổ sung đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chuẩn bị đầy đủ dao cụ, đồ gá để khai thác tối đa năng lực các thiết bị đã đầu tư. Nâng cao chất lượng giám định, chuẩn bị kỹ thuật đối với công tác sửa chữa lớn. Tiếp tục đầu tư trang bị, kết hợp đào tạo để sử

dụng có hiệu quả các phần mềm thiết kế, đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân để từng bước làm chủ công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, …vv;

- Triển khai quyết liệt việc chuyển đổi số theo Kế hoạch số 2768/KH-VMC ngày 30/8/2024 của Giám đốc Công ty về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN giai đoạn 2024 – 2025, tiến tới chuyển đổi hầu hết các hoạt động của Công ty trên nền tảng số, tận dụng sức mạnh của công nghệ số, dữ liệu số để gia tăng hiệu quả hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, …vv;

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Chủ động, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thiết kế mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Nghiên cứu thiết kế, sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt ưu tiên trong lĩnh vực khai thác hầm lò, sàng tuyển than. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện QTCN mạ để nâng cao chất lượng chế tạo các loại cột chống thủy lực; Tiếp tục thực hiện xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, tiến tới đăng ký bảo hộ độc quyền một số sản phẩm. Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Nghiên cứu phát triển, mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Thực hiện tốt các đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và các tiểu ban sáng kiến (chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, …vv);

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 trong quản lý chất lượng;

- Công tác cơ điện và năng lượng: Thực hiện đúng chế độ, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng; Nâng cao chất lượng sửa chữa; Điều hành thực hiện kế hoạch sửa chữa các cấp đảm bảo đồng đều giữa các quý trong năm; Chủ động dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (Dây chuyền cán thép, chế tạo cột chống, chế tạo vì lò, các máy công cụ đặc chủng, v.v); Hợp tác với các đơn vị ngoài để chủ động bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị một cách kịp thời. Áp dụng trong toàn Công ty Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018;

- Công tác môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật về BVMT, thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, mở rộng phạm vi áp dụng trong toàn Công ty; Kiên trì thực hiện quản lý văn minh, thực hiện công cụ 5S ở tất cả các đơn vị trong Công ty; Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường (đặc biệt nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại PX Cán, PX Đúc, ...vv).

3.3.4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý - điều hành:

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa các tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu chung;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ "chỉ bàn làm, không bàn lùi", "không nói không, không nói khó, không nói có mà không làm". Phát huy truyền thống "kỷ luật và

đồng tâm" quyết tâm vượt khó, thích ứng linh hoạt, ổn định sản xuất kinh doanh, phấn đầu hoàn thành vượt mức và toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2025;

- Đẩy mạnh công tác pháp chế doanh nghiệp, quản trị rủi ro, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm tăng cường ý thức thực thi pháp luật và đảm bảo các hoạt động SXKD theo quy định của pháp luật. Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định một cách kịp thời làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý; Kiên quyết xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm nội quy lao động tại Công ty;

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để ra sai phạm hoặc vi phạm pháp luật; gắn công tác kiểm tra, giám sát với công tác hướng dẫn, hỗ trợ. Đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo an ninh trật tự trong việc quản lý, mua sắm, cấp phát, sử dụng vật tư, quản lý kho tàng, thu hồi phế liệu, ...vv;

- Thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất thông qua việc xác định cụ thể giá trị tiết kiệm theo chi phí khoán quản trị đã được ban hành.

3.3.5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động:

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty;

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại;

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh; Tiếp tục hỗ trợ, tổ chức cho người lao động đi thăm quan, nghỉ điều dưỡng phù hợp với khả năng tài chính của Công ty;

- Tiếp tục phát tinh thần vượt khó, chung lòng, chung sức, truyền thống kỷ luật và đồng tâm, từ trí sáng tạo và bàn tay tài hoa của người thợ cơ khí để xây dựng Công ty phát triển bền vững.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	1.925.100	40,98	Đại diện phần vốn của TKV
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT, GĐ Công ty	1.312	0,028	
3	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên	14.107	0,30	

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
4	Lê Viết Sự	Thành viên	12.755	0,27	
5	Phạm Thu Hương	Thành viên	22.600	0,48	

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN trong năm 2024 đã tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty khi thực hiện chức năng nhiệm vụ; Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời đã giúp cho việc quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh, tháo gỡ các khó khăn đặc biệt trong kinh doanh và Đầu tư xây dựng của Công ty; đã thực hiện được mục tiêu giữ vững sản xuất, duy trì và bảo toàn đội ngũ, ổn định đời sống cho người lao động; hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, duy trì bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông.

Các chủ trương đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư đổi mới trang thiết bị, cải tạo nhà xưởng, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống cho người lao động đều đúng hướng, đúng mục tiêu, đã từng bước nâng cao hiệu quả SXKD, thay đổi diện mạo, hình ảnh của Công ty.

2. Ban Kiểm soát

2.1.Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng ban			
2	Chu Thị Việt Trung	Ủy viên	874	0,019	
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	Ủy viên	874	0,019	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Nội dung hoạt động: Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2024 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong công tác quản lý; kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên; kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty; kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN có 03 thành viên, trong đó Trưởng ban hoạt động chuyên trách, được Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023 bầu từ tháng 4/2023. Các thành viên hoạt động theo sự phân công của Trưởng ban.

Trong năm 2024, Ban kiểm soát luôn duy trì tốt hoạt động giám sát thường xuyên liên tục quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng tháng

các thành viên Ban kiểm soát chủ động thực hiện chức năng nhiệm vụ do Trưởng ban phân công, cuối tháng các thành viên tập hợp ý kiến báo cáo Trưởng ban.

Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát họp thông qua các báo cáo giám sát của các thành viên Ban kiểm soát như báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và quý, báo cáo các mặt quản lý của Công ty như lao động, tiền lương, chi phí, giá thành, tồn kho…vv, báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết được ban hành, báo cáo hoạt động của Ban điều hành thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Định kỳ sáu tháng và kết thúc năm báo cáo, Ban kiểm soát thực hiện lịch thông báo kế hoạch kiểm tra kiểm soát tổng thể các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra tuân thủ, hợp lệ hệ thống chứng từ chi phí hạch toán kế toán. Thẩm định các báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh và các báo cáo khác như đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý lao động tiền lương, quản lý máy móc thiết bị, quản lý vật tư, …vv.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Tiền lương tháng	Số người	tỷ lệ	Tiền thù lao (đồng/tháng)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	1	20%	5.140.000
2	Thành viên HĐQT				
	Giám đốc kiêm TV HĐQT	24.700.000	1	20%	4.940.000
	TV HĐQT (kiêm nhiệm)	21.900.000	2	20%	4.380.000
3	Thành viên BKS	21.900.000	2	20%	4.380.000
4	Thư ký Công ty	21.900.000	1	20%	4.380.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT	Cổ đông lớn	792.800	16,88%	805.902	17,16%	Mua để đầu tư

Ghi chú: Ngày giao dịch thay đổi tỷ lệ sở hữu: 05/03/2025

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán AASC tại Quảng Ninh kiểm toán (đã công bố thông tin theo quy định)./.

Nơi nhận
- UBCKNN, SGDCKHN (b/c);
- Website: www.chetaomay.com.vn;
- HĐQT (e-copy);
- BKS, BGĐ, KTTC (e-copy);
- Lưu: VT, TKý Công ty.

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5700495999 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY VINACOMIN
TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

Phạm Minh Tuấn